

Số: 31 /2024/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cụ thể một số tiêu chí,
chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới
nâng cao, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao theo phân cấp
tại Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ
để thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ ý kiến của các đồng chí Thành viên UBND tỉnh (trên phần mềm
quản lý văn bản);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 59/TTr-SNN&PTNT ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo số 178/BC-
STP ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn
bản quy phạm pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia
về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới, huyện
nông thôn mới nâng cao theo phân cấp tại Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày
01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu
chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng

cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể như sau:

1. Phụ lục I: Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu tại Phụ lục I Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Quyết định số 211/QĐ-TTg).

2. Phụ lục II: Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu tại Phụ lục II Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TTg.

3. Phụ lục III: Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu tại Phụ lục III Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TTg.

4. Phụ lục IV: Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu tại Phụ lục IV Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TTg.

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ngành; Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân các xã.

1. Các sở, ngành hướng dẫn đánh giá kết quả thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới được sửa đổi, bổ sung, quy định cụ thể đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh để các địa phương thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện đối với các nội dung tiêu chí, chỉ tiêu được phân công phụ trách.

2. Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới theo quy định.

3. Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân các xã rà soát, đánh giá, tổ chức triển khai thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2024.

2. Quyết định này bãi bỏ: Nội dung “*Có 100% công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm*” chỉ tiêu 3.2 thuộc tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai và tiêu chí số 9 về Lao động tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh quy định cụ thể một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, xã thông minh, thôn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn thông minh thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCD TW các Chương trình MTQG;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Cục kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Vĩnh Phúc; Đài PTTH tỉnh;
- Công Thông tin GTĐT tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, NN4.

(HQ- 33 b) Q

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Chí Giang

Phụ lục I

Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu tại Phụ lục I Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TTg
 (Ban hành kèm theo Quyết định số: **31** /2024/QĐ-UBND ngày **12/6** /2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Quy định cụ thể chỉ tiêu 17.1 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm như sau:

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|--|--|--|
| 17 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn | <p>a) Đối với địa phương chưa có hệ thống cấp nước sạch tập trung: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 75\%$</p> <p>b) Đối với địa phương đã có hệ thống cấp nước sạch tập trung: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 75\%$. Trong đó, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước sạch tập trung $\geq 45\%$</p> |

Phụ lục II

Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu tại Phụ lục II Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TTg
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **31** /2024/QĐ-UBND ngày **12/6** /2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

1. Quy định cụ thể chỉ tiêu 13.4 thuộc tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn như sau:

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|---|--|----------|
| 13 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã | Đạt |

2. Quy định cụ thể chỉ tiêu 17.10 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường như sau:

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|-------------------|---|-------------|
| 17 | Môi trường | 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng | $\geq 50\%$ |

3. Quy định cụ thể chỉ tiêu 18.2, 18.3 thuộc tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống như sau:

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|-----------------------------------|--|---------------|
| 18 | Chất lượng môi trường sống | 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm | ≥ 80 lít |
| | | 18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | $\geq 45\%$ |

Phụ lục III

Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu tại Phụ lục III Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TTg (Ban hành kèm theo Quyết định số: 31 /2024/QĐ-UBND ngày 12/6 /2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

1. Quy định cụ thể chỉ tiêu 5.4 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục như sau:

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|-----------|----------------------------------|---|-----------------|
| 5 | Y tế - Văn hoá - Giáo dục | 5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn | Đạt |

2. Quy định cụ thể chỉ tiêu 6.4 thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế như sau:

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|-----------|---------------------|--|-----------------|
| 6 | Kinh tế | 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyên giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả | Đạt |

Phụ lục IV

Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu tại Phụ lục IV Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-TTg
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31 /2024/QĐ-UBND ngày 12/6 /2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Quy định cụ thể chỉ tiêu 5.5 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục như sau:

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|----------------------------------|---|----------|
| 5 | Y tế - Văn hoá - Giáo dục | 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn | Đạt |